ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA**	**CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48 /KH-UBND	*Krông Pa, ngày 28 tháng 02năm 2022*

KẾ HOẠCH
Cơ cấu lại ngành nông nghiệp
trên địa bàn huyện Krông Pa giai đoạn 2021-2025

PHẦN MỘT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Tình hình triển khai thực hiện:

1. Đánh giá chung các mục tiêu đạt được trong giai đoạn 2016-2020:

+ Năm 2020, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 39,96%, đạt 99,13% Nghị quyết, giảm 7,04% so với năm 2015.

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2.716,1 tỷ đồng (theo giá hiện hành), đạt 104,4 % Nghị quyết.

Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá phù hợp với nhu cầu thị trường, hình thành các vùng sản xuất tập trung, như lúa nước, sắn, thuốc lá, dưa hấu, điều... và từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Tổ chức trồng thực nghiệm một số giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao. Từng bước hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng; khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi. Hình thành 07 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 07 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, 03 mô hình nông hội, góp phần hỗ trợ, trao đổi kỹ thuật sản xuất cho người dân, đồng thời giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Chú trọng nâng cao chất lượng và phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

+ Hầu hết các loại nông sản của huyện được tổ chức sản xuất theo hướng bảo đảm an toàn chất lượng nông sản; triển khai 1 Mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn vietGap với diện tích 01ha tại xã Phú Cần và thị trấn Phú Túc Tuy nhiên chưa có nhiều mô hình sản xuất theo hướng VietGap, GlobalGap.

+ Việc ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm đã được xây dựng 2 mô hình tưới tiết kiệm đối với cây Thuốc lá, Cây điều, cây ăn quả(Dưa hấu), Bưởi, Na với diện tích 500-750 ha /năm và mô hình tưới tiết kiệm đối với cây Xoài Đài loan với diện tích 17 ha.

+ Công tác đào tạo nghề trong nông nghiệp được quan tâm chỉ đạo. từ 2016-2020 đã Mở 121 lớp dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn dưới 3 tháng cho 3.318 lao động. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn huyện đạt: 35,5%.

2. Kết quả đạt được từng lĩnh vực:

1. Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng năm 2020 đạt 48.768,3 ha, tăng 7.490,3 ha so với năm 2016, đạt 104,9% KH. Năng suất và sản lượng cây trồng tăng dần qua các năm. Công tác bảo vệ thực vật được duy trì thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình dự tính, dự báo kịp thời, thông báo các biện pháp phòng trừ cho nông dân nên đã hạn chế được sâu bệnh dịch hại xảy ra trên diện rộng.

**** Một số cây trồng chính của huyện:***

+ Cây lương thực:

- Cây Lúa: Năm 2016 diện tích cây lúa là 5.169 ha, năm 2020 diện tích tăng lên 5.790ha. Sản lượng lúa năm 2016 đạt 15.718 tấn, đến năm 2020 sản lượng ước đạt 22.579. Năng suất năm 2016 đạt 30,41 tạ/ha, đến năm 2020 năng suất Lúa đạt 39tạ/ha.

- Cây Ngô: Năm 2016 diện tích cây Ngô là 6.185ha, năm 2020 diện tích giảm còn 1.117 ha. Sản lượng Ngô năm 2016 đạt 14.241 tấn, đến năm 2020 sản lượng còn 2.897,5 tấn. Năng suất năm 2016 đạt 23,02 tạ/ha, đến năm 2020 năng suất Ngô đạt 24,4/ha; Tăng năng xuất 1,2 tạ/ha. Tuy nhiên cây Ngô cho thu nhập thấp, dễ bị tác động bởi thời tiết nên đã chuyển diện tích hơn 5.500 ha trồng cây Ngô sang trồng Sắn và cây màu khác.

+ Cây tinh bột:

- Cây sắn: Năm 2016 diện tích cây sắn là 16.435ha, năm 2020 diện tích tăng lên 22.205 ha. Sản lượng sắn năm 2016 đạt 324.754 tấn, đến năm 2020 sản lượng ước đạt 441.100 tấn. Năng suất năm 2016 đạt 197,5 tạ/ha, đến năm 2020 năng suất sắn đạt 200 tạ/ha, gắn với 2 nhà máy chế biến Sắn trên địa bàn huyện với tổng công suất 100.000 tấn sản phẩm tinh bột sắn/năm.

- Cây Khoai lang: Diện tích khoai Lang năm 2016 là 713 ha, năng suất 52,5 tạ/ha, sản lượng là 4.741,5 tấn; diện tích cây năm 2020 đạt 680 ha, Năng suất đạt 55,2 tạ/ha, sản lượng 3.753,6 tấn. Đây là cây có diện tích hàng năm thấp, chủ yếu trồng phục vụ chăn nuôi.

+ Cây thực phẩm:

- Đậu các loại: Năm 2016 diện tích cây đậu các loại là 1.425 ha, Năm 2020 diện tích cây Đậu các loại: 2.414 ha, tăng 989ha.

- Rau củ quả: : Năm 2016 2.253 ha đến năm 2020, diện tích Rau củ quả: đạt 4.289ha, Năng suất đạt 90 tạ/ha, sản lượng 38.601tấn;Diện tích rau của quả tăng nhiều là do những năm gần đây các công trình thuỷ lợi đi vào khai thác, đặc biệt là công trình hồ chứa nước IaMlah phục vụ trên địa bàn 6 xã, tị trấn nên nông dân phát triển thêm diện tích cây rau; Dưa hấu ở vụ đông xuân hàng năm.

+ Cây Công nghiệp ngắn ngày:

- Cây mè: năm 2016 diện tích cây là Mè: 1615ha, đến năm 2020 diện tíc Mè: 1.700 ha, Năng suất đạt 4 tạ/ha, sản lượng 680 tấn; Đây là cây ngắn ngày năng xuất thấp. Tuy nhiên trong cơ cấu cây trồng vẫn giữ ổn định, lầ cây trồng ngắn ngày phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương trồng vào đầu vụ mưa, sau đó thu hoạch để trồng lại các cây chính vụ như: Bắp lai, Điều...

- Cây Mía: Diện tích Mía năm 2016 đật 1.449 ha, đến năm 2020 còn 700ha. Do giá Đường mấy năm gần đây xuống thấp nên giá mía nguyên liệu thấp, dễ bị tác

động thời tiết do nắng hạn dẫn thu nhập không đảm bảo nên nông dân có xu hướng giảm diện tích mía chuyển sng cây trồng khác.

- Cây Thuốc lá năm 2016 có diện tích là 1960.ha năng xuất đạt 21,1 tạ/ha , đến năm 2020 là Thuốc lá: 2.012ha, Năng suất đạt 25,4 tạ/ha, sản lượng 5.110 tấn; là một trong những cây trồng chủ lực của huyện, Tuy diện tích tăng ít nhưng năng xuất tăng khá do được các đơn vị liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Cây hàng năm khác: Chủ yếu là diện tích cỏ dùng cho chăn nuôi đáp ứng thức ăn cho đần bò của huyện.

+ Cây Công nghiệp dài ngày:

Cây Điều năm 2016 là 4.014ha năng xuất đạt 4,5 tạ.ha, đến năm 2020 4.382 ha, năng xuất đạt 5 tạ/ha. Là loại cây dài ngày tuy diện tích tăng ít nhưng hàng năm từ các nguồn vốn của nhà nước như chương trình Xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo, vốn sự nghiệp của huyện đã đầu tư hỗ trợ cây giống, phân bón để trồng cải tạo, trồng mới thêm diện tích cây Điều. Công tác phòng trừ sâu bệnh hại, tưới tiết kiệm cho cây điều cũng được nông dân quan tâm nên năng xuất ộn định và tăng só với năm 2016.

2. Về chăn nuôi:

Xác định chăn nuôi là ngành sản xuất quan trọng trong Tái cơ cấu ngành; Sản xuất chăn nuôi cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm trong huyện và xuất bán ra ngoài huyện. Sản lượng thịt xuất chuồng của các loại gia súc, gia cầm tăng từ 5-8%/năm. Giá các sản phẩm chăn nuôi tương đối ổn định.

Năm 2016, tổng đàn gia súc đạt 80.707 con (trâu 143 con, bò 61.977 con, lợn 18.587 con). Năm 2020, tổng đàn gia súc đạt 88.671 con (trâu 165 con, bò 63.211 con, lợn 9.270 con, Dê 16.025 con.

Những năm 2016-2017 mặc dù giá thịt hơi xuống thấp nhưng người dân vẫn tiếp tục quan tâm đến lĩnh vực chăn nuôi, đầu tư phát triển theo hướng đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng vật nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường; Song những năm gần đây giá thịt hơi các loại đã tăng trở lại, người chăn nuôi tiếp tục phát triển đàn nên đàn bò, dê tiếp tục tăng trưởng, riêng đối với đàn heo do ảnh hưởng của dịch bện Dịch tả châu phi nên đàn heo giảm phân nửa só với năm 2016.

Từ các nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án hỗ trợ sản xuất... Đã hỗ trợ 1.252 con bò giống sinh sản, Phối giống nhân tạo 3000 con bò có chửa (gồm giống Brahman, Red Angus, Limousine. BBB). góp phân nâng cao tỷ lệ đàn bò lai của địa phương.

3. Về Lâm nghiệp:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp triển khai nhiệm vụ trọng tâm Kế hoạch tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, theo đúng định hướng và kế hoạch được duyệt. Nâng cao chất lượng, giá trị rừng, trong 03 năm qua, ngành lâm nghiệp của huyện đã thực hiện được một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Công tác quản lý bảo vệ phát triển rừng thường xuyên được quan tâm; Tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn triệt để việc khai thác, vận chuyển và tiêu thụ lâm sản trái phép trên địa bàn huyện. Các cơ quan chức năng và đoàn liên ngành luôn giám sát các cơ sở chế biến kinh doanh lâm sản trên địa bàn. Qua kiểm tra các cơ sở được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

+ Công tác quản lí bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đã được quan tâm chỉ đạo. Đã tập trung chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng cháy rừng trong thời kỳ cao điểm mùa khô nên không có trường hợp cháy rừng nào. Củng cố kiện toàn lực lượng BCH PCCCR, gồm 19 BCH PCCCR cấp xã và các đơn vị chủ rừng; với 105 tổ đội xung kích chữa cháy và đảm bảo phương tiện, dụng cụ PCCCR.

+ Thực hiện dự án quản lý và bảo vệ tổng hợp các hệ sinh thái rừng KFW10; Giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện quy hoạch, giao rừng cho 15 thôn thuộc 7 xã tham gia dự án; diện tích đã giao 3005,68 ha.

Tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng và UBND các xã tổ chức kiểm tra, rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng thuộc xã quản lý.

Công tác giao rừng, cho thuê rừng: UBND huyện đang triển khai thực hiện Kế hoạch giao rừng năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 với 2503,55ha trên địa bàn các xã Ia Dreh, Uar, Ia Mlah và đã xây dựng kế hoạch giao rừng năm 2022 với 1.617ha trên địa bàn 02 xã Đất Bằng và Chư Drăng hiện đang trình sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định để có cơ sở thực hiện trong năm 2022.

Thực hiện Công tác thu hồi đất rừng bị lấn chiếm và trồng rừng theo kế hoạch 1123/KH-UBND ngày 23/3/2017của UBND tỉnh về tổ chức thu hồi diện tích rừng bị lấn chiếm để chuyển trồng cây phù hợp lâm nghiệp và trồng rừng đến nay toàn huyện đã có 67 hộ dân của 07 xã tự nguyện kê khai, giao trả lại diện tích rừng bị lấn chiếm và đã đăng ký trồng rừng để được hưởng lợi từ các chính sách của Nhà nước với diện tích 87.83ha

- Công tác phát triển rừng:

+ Trồng rừng tập trung được hồ trợ đầu tư trồng rừng theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

Năm 2018, toàn huyện có 149 hộ dân đăng ký trồng rừng trên địa bàn 13 xã với diện tích 144,85 ha (diện tích được hồ trợ theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg), loài cây Keo lai; mật độ trồng 1.800-2.000 cây/ha. Kết quả kiểm tra, nghiệm thu, diện tích cây còn sống là 80,72 ha, tỉ lệ cây sống đạt 30,63%; trong đó diện tích cây sống đảm bảo mật độ, đạt yêu cầu nghiệm thu là 53,49 ha; diện tích không đảm bảo mật độ 27,23 ha; diện tích cây chết hoàn toàn 89,26 ha.

Năm 2019, toàn huyện có 58 hộ dân đăng ký trồng rừng trên địa bàn 09 xã với diện tích 105 ha (diện tích được hỗ trợ theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) loài cây Keo lai, Bạch đàn; mật độ trồng 1.600 cây/ha. Kết quả kiểm tra, nghiệm thu, diện tích cây còn sống là 39,37 ha, tỉ lệ cây sống đạt 32,66%; trong đó diện tích cây sống đảm bảo mật độ, đạt yêu cầu nghiệm thu là 31,39 ha; diện tích không đảm bảo mật độ 7 98 ha; diện tích cây chết hoàn toàn 65,63 ha.

Năm 2020, toàn huyện có 41 hộ dân của 07 xã đăng ký trồng rừng và thực hiện trông rừng với diện tích 67,64 ha, đạt 67,6% kế hoạch giao;

Riêng các đơn vị chủ rừng: BQL rừng phòng hộ Ia Rsai thực hiện trồng rừng với diện tích 20,19ha; BQL RPH Nam Sông Ba thực hiện trông rừng phòng hộ 74ha, Công ty MDF thực hiện trồng mới 159ha (*trồng lại sau khi khai thác*)

+ Trồng rừng phân tán: Tổ chức cấp 24.000 cây huỳnh đàn và 64.000 cây

keo lai (*tương đương 85 ha*) cho các đơn vị cơ quan, trường học, khu dân cư và các xã thị trấn để triển khai chương trình trồng cây nhớ ơn Bác Hồ và trồng rừng phân tán năm 2020.

Duy trì độ che phủ: 46.78%

4. Về thủy sản: Nuôi trồng thuỷ sản tuy có diện tích nuôi trồng thấp nhưng tiếp tục duy trì diện tích hơn 50ha/năm và kết hợp khai thác ở các hồ đập tự nhiên... giá trị sản lượng thuỷ sản năm 2016 đạt 12.822 triệu đồng, năm 2020 ước đạt 19.806 triệu đồng.

5. Công nghiệp, chế biến, cơ giới hóa, tổ chức, liên kết sản xuất:

- Công nghiệp chế biến: Tổng số cơ sở tham gia hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến là 165 cơ sở, tăng 110 cơ sở so với năm 2016. Công nghiệp chế biến tập trung vào các sản phẩm chủ lực, lợi thế của huyện như: Tinh bột sắn, xay xát lương thực, chế biến bò 1 nắng 20 cơ sở ...

- Cơ giới hóa trong sản xuất:

+ Đến cuối năm 2020 mức độ cơ giới hóa bình quân các khâu sản xuất chính như sau: Làm đất 90%, chăm sóc 30 %, tưới chủ động 25%, thu hoạch 50%, tưới chủ động 60%, Bảo vệ thực vật 100%, thu hoạch 10%, Vận chuyển 100%.

+ Đến cuối năm 2020 số lượng máy móc trong các khâu sản xuất nông nghiệp tăng gần 11%/năm, số lượng máy năm 2016 khoảng 3.319 cái, dự kiến năm 2020 tăng thêm khoảng 4.320 cái, gồm các chủng loại chính (Máy cày, kéo các loại, động cơ máy các loại, máy bơm nước, máy phun thuốc trừ sâu có động cơ,máy xay sát chế biến lương thực các loại máy khác …).

Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp của huyện đã có phát triển nhưng chưa mạnh, mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu về sản xuất và sơ chế nông sản trên địa bàn, các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là bán thô, việc tinh chế các sản phẩm còn ít. Máy móc thiết bị chủ yếu là do nông dân tự đầu tư, nhà nước có hỗ trợ qua công tác khuyến công, khuyến nông nhưng không nhiều.

- Liên kết sản xuất trong nông nghiệp của huyện giữa doanh nghiệp đầu tư thu mua chế biến (11 Doanh nghiệp) với nông dân chỉ thực hiện được đối với cây thuốc lá vàng sấy, Mía nên diện tích chỉ đạt hơn 3000ha/năm (bằng 7% diện tích gieo trồng).

- Từ năm 2016 đến nay đã thành lập mới 8 HTX hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp, nông thôn.

6. Công tác thủy lợi:

Tính đến 2020 trên địa bàn huyện đang tổ chức quản lý 9 công trình thủy lợi gồm: 4 công trình hồ chứa, 4 công trình đập dâng và 1 công trình trạm bơm; tổng năng lực tưới thiết kế 6.890 ha. Hiện đã khai thác tưới được phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp năm 2020 đạt 5.491,78 ha/năm (lúa 2.989,46 ha/ 2 vụ; cây màu và CNNN 2.502,32 ha. kiên cố hóa kênh mương nội đồng được 52,3 km, với tổng kinh phí là 128.382,12 triệu đồng.

Từ năm 2016-2020 từ các nguồn vốn đã đầu tư mới, nâng cấp 60 tuyến kênh; chiều dài: 59,683 km, Vốn đầu tư: 140.277 triệu. Trong đó Nguồn vốn ADB 57 tuyến, dài 43.357m, kinh phí 96.469,127 triệu đồng; Nguồn bảo vệ đất trồng lúa 3 tuyến chiều dài 2.470,3 m, kinh phí 2.094,55 triệu đồng. Vốn chương

trình mục tiêu và vốn ngân sách: 13,85 km; kinh phí 41.174 triệu Công tác quản lý, khai thác, đầu tư xây dựng công trình đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, thực hiện, cùng với sự đóng góp sức người, sức của của người dân trên địa bàn huyện, các công trình thủy lợi đã phát huy hiệu quả, năng lực, nhiệm vụ tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, cải tạo tiểu vùng khí hậu.

7. Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật và nông nghiệp.

Trong giai đoạn 2016-2020, triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã mang lại nhiều kết quả nổi bật như: huyện đã hỗ trợ 6,2 tỷ đồng triển khai một số mô hình khuyến nông, cuyển giao công nghệ như: đã triển khai 20 mô hình, dự án như: Chương trình hỗ trợ giống mỳ mới KM419; Mô hình cây điều ghép giống AB29 và AB05-08.*(vốn sự nghiệp nông nghiệp);* Đầu tư mô hình lúa nước và hỗ trợ máy bơm nước D24; Mô hình hộ gia đình phát triển chăn nuôi bò lai; Mô hình trồng hoa LiLy tại địa bàn huyện Krông Pa; Mô hình trồng cỏ kết hợp với tập huấn kỹ thuật; Hỗ trợ cây điều ghép giống PN1; Mô hình lúa nước giống OM7347; Hỗ trợ chuồng trại, 02 con heo cái, 01 con heo đực đen và hỗ trợ thức ăn ban đầu cho hộ nghèo xã Phú Cần; Hỗ trợ dây kẽm gai làm hàng rào, cây ăn quả các loại, phân bón lót và làm mô hình trồng rau cho hộ nghèo xã Ia Mlah; Mô hình trồng cây ăn quả các loại, tưới nước tiết kiệm (nhỏ giọt); Tập huấn kỹ thuật và ươm ghép điều cho nhóm hộ; Mô hình sản xuất thử nghiệm giống lạc L14; Mô hình tưới nước tiết kiệm cho cây điều; Hỗ trợ chuyển đổi giống lúa mới (LH12) ở một số cánh đồng; Hỗ trợ giống sắn mới HL-S11; Mô hình thâm canh lúa nước có năng suất cao (giống Đài thơm 8); Mô hình trồng sắn giống HL-S11 xen đậu xanh cải tạo đất bền vững, mô hình hỗ trợ giống heo địa phương cho các hộ dân, mô hình trồng cây xoài Đài Loan, tưới tiết kiệm (nhỏ giọt).

Dự án giảm nghèo Tây nguyên đã triển khai 129 mô hình hỗ trợ sản xuất như nuôi heo đen dịa phương, heo rừng lai, dê sinh sản, bò sinh sản, dúi sinh sản, cá trê , cá trầu, gà, trồng rau...

Công tác phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và đẩy mạnh liên kết sản xuất đã được chú trọng triển khai; tính đến nay toàn huyện có 05 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; 07 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với cây Sắn, Điều

- Huyện đã tập trung các giải pháp thu hút, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn, nhất là đầu tư liên kết sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị, nhằm nâng cao giá trị hàng hóa cho một số loại cây trồng chủ lực trên địa bàn.

Phối hợp triển khai dự án nâng cao chất lượng đàn bò thịt từ năm 2017-2020; dự kiến phối giống nhân tạo cho đàn bò đạt 3000 con bò lai. Hỗ trợ hệ thống máy chế biên bò 1 nắng tại huyện Krông pa. (Sở Khoa học -Công nghệ chủ trì)

8. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Công tác đào tạo nghề cho khu vực nông thôn được quan tâm, cơ bản đáp ứng được nhu cầu người học; phần lớn lao động được đào tạo nghề nông nghiệp đã biết vận dụng những kiến thức cơn bản về trồng trọt, chăn nuôi qua đó đã giúp họ từng bước làm chủ quy trình sản xuất, mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô

sản xuất. Đến nay, trên địa bàn huyện có 13/13 xã đạt tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, đạt 100%.

Trong 5 năm (2016-2020) triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, toàn huyện đã tổ chức 45 lớp đào tạo cho1200 lao động nông thôn được học nghề.

Hiệu quả trên đã góp phần làm thay đổi tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo theo hướng tăng dần qua các năm làm thay đổi cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tích cực; Chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giúp người dân có điều kiện tổ chức sản xuất và ổn định việc làm, cải thiện, tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là nhóm người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người nông dân vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

III. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

1. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 và Quyết đinh số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Huyện Krông Pa triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến nay và đã đạt được những kết quả như sau:

- Huyện đã có 2/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới (15,38%).

- Bình quân mỗi xã đạt được 14 tiêu chí (theo bộ tiêu chí mới); số xã đạt từ 15- 18 tiêu chí là 1 xã; số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí là 11 xã; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới từ năm 2016 đến năm 2020 như sau: Tổng nguồn vốn thực hiện 05 năm: 1.322.666,3 triệu đồng.

Trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp 566.745 triệu đồng chiếm 52,24%; vốn; Ngân sách địa phương: 187.570 triệu đồng, chiếm 14,73%; Vốn lồng ghép: 407.187,7 triệu đồng, chiếm 33,51%; Vốn tín dụng: 280.155 triệu đồng chiếm 1,2%; Doanh nghiệp: 43,9 triệu đồng, chiếm 0,64%; Cộng đồng dân cư: 15.988 triệu đồng, chiếm 1,38%.

- Kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đạt được kết quả cụ thể như sau:

+ Về giao thông: Đã làm mới, nâng cấp được197,3km đường giao thông nông thôn; Tổng kinh phí đầu tư là 232.155 triệu đồng. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí giao thông tính đến cuối năm 2020 là 13/13 xã bằng 100%.

+ Về thủy lợi: Tổng số km kênh mương được kiên cố hóa là 59,8 km; Tổng kinh phí đầu tư là 140,27 tỷ đồng. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí thủy lợi đến cuối năm 2020 là 7/13 xã bằng 53,8%.

+ Về điện nông thôn: Trong giai đoạn 2016-2018, từ nguồn đầu tư của ngành điện lực và của nhân dân, tiếp tục triển khai nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế và lắp đặt mới đồng hồ điện đến các hộ dân, với tổng kinh phí huy động đầu tư 26.600 triệu đồng, Đến nay, có 100% xã xây dựng nông thôn mới có hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và 99% hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

+ Về trường học các cấp: từ năm 2016-2020 đã Thực hiện nâng cấp và xây mới được 43 trường và điểm trường các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) ở cấp xã. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí trường học ước đến cuối năm 2020 là 8/13 xã bằng 65,6%.

+ Về cơ sở vật chất văn hóa: Đến nay, toàn huyện có 13/13 xã xây dựng nông thôn mới có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã; có 4/13 xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định; có tổng số 111/116 thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa phục vụ cộng đồng; cơ cấu tổ chức của nhà văn hóa thôn và xã tiếp tục được củng cố và kiện toàn.

Thực hiện xây mới, nâng cấp được 5 nhà văn hóa xã; nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng. Vốn đầu tư 8.121 triệu đồng. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa ước đến cuối năm 2018 là 11/13 xã bằng 84,6%.

+ Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tiếp tục thực hiện khai thác quản lý các chợ IarSiơm, ChưrCăm, khuyến khích các hộ kinh doanh mở rộng cung ứng vật tư hàng hoá thiết yếu tại các thôn buôn, trung tâm các xã. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn ước đến cuối năm 2020 là 100%.

+ Về thông tin và truyền thông: Tỷ lệ xã đạt tiêu chí thông tin và truyền thông ước đến cuối năm 2020 là 100%.

+ Về nhà ở dân cư: Tỷ lệ xã đạt tiêu chí về nhà ở dân cư ước đến cuối năm 2020 6 xã đat là 46%.

Thực hiện Chỉ Thị số 12-CT/TU ngày 12/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Huyện Krông Pa đã ban hành Kế hoạch số 137-KH/HU, ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 12/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

Đến nay huyện đã công nhận 2 thôn buôn đạt nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Phấn đấu năm 2020 có thêm 1 thôn buôn đạt nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn của huyện ngày càng được quan tâm và triển khai thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt và phân bổ vốn đầu tư theo các tiêu chí. Hàng năm khi tỉnh phân bổ vốn cho địa phương, huyện tiến hành giao vốn cho từng chương trình, dự án thông qua Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia, huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG chung cho các chương trình, không thành lập Ban Chỉ đạo cho từng chương trình một; thực hiện nội dung kiểm tra, giám sát trong từng chương trình và tổ chức lồng ghép công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án cùng các chương trình kiểm tra khác trên địa bàn huyện.

Thực hiện chính sách đầu tư công cho nông nghiệp nông dân nông thôn đã mang lại hiệu quả rõ rệt, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp nông dân nông thôn đã không ngừng được tăng lên. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế như: cơ

sở hạ tầng nông thôn nhất là giao thông nội đồng chưa đáp ứng được yêu cầu, chất lượng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, việc huy động các nguồn vốn còn thấp; việc đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp chậm và ít hiệu quả nhất là các HTX nông nghiệp; vấn đề gắn doanh nghiệp với sử dụng lao động tại chỗ còn nhiều hạn chế, việc lồng ghép các chương trình chưa chặt chẽ; đời sống của nông dân còn gặp khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở nông thôn còn khá cao.

Để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công thời gian tới huyện Krông Pa đề ra các biện pháp tăng tỷ trọng và điều chỉnh vốn đầu tư của ngân sách phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó chú trọng hỗ trợ đầu tư trực tiếp cho phát triển sản xuất; nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công tác quản lý, sử dụng đầu tư công từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp tác phát triển. Bên cạnh đó huyện tập trung đầu tư vào các dự án có trọng tâm, trọng điểm, chấm dứt tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải. Những lĩnh vực ưu tiên đầu tư trước mắt: Đầu tư kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn, nội đồng; Chuyển đổi, phát triển giống cây trồng vật nuôi...

2. Chương trình mỗi xã một sản phẩm

Huyện Krông Pa triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) từ năm 2019 đến nay và đã đạt được những kết quả như sau:

Năm 2019, trên địa bàn huyện Krông Pa có 2 sản phẩm tham gia đánh giá cấp tỉnh và đạt OCOP 3 sao cấp tỉnh, gồm: Bò một nắng Nguyệt Viên và bò một nắng Tý Vân.

Năm 2020, huyện có 4 sản phẩm tham gia đánh giá cấp tỉnh và đạt OCOP 3 sao cấp tỉnh, gồm: Bò một nắng Tuấn Hậu, Bò một nắng Mười Đức, Ba rọi 1 nắng Tý Vân và Thịt ba rọi 1 nắng Nguyệt Viên

IV. Đánh giá chung qua 5 năm triển khai Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Krông Pa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu

1. Ưu điểm:

- Công tác triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp được Tỉnh và các Sở, ngành quan tâm ủng hộ. Các cấp ủy, chính quyền từ huyện xuống xã được quán triệt về nội dung và giải pháp thực hiện; từ đó có chỉ đạo, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và quần chúng, tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và nhân dân.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định và có bước tăng trưởng khá, bình quân trên 5,5%/năm; Các mô hình, dự án nông nghiệp tiếp tục được triển khai tích cực hiệu quả, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: Sắn, Điều, Thuốc lá, mía, lúa, Dưa hấu.... chăn nuôi phát triển mạnh, dịch bệnh được khống chế kịp thời, chất lượng giống cây trồng được quản lý tốt; tiến độ trồng rừng sản xuất được thực hiện theo kế hoạch. Bảo vệ rừng được triển khai quyết liệt không để xảy ra cháy rừng lớn trong mùa khô hanh; công tác vệ sinh ATTP được tăng cường, đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn huyện; công tác thủy lợi được thực hiện tốt, đảm bảo yêu cầu cho phục vụ sản xuất và yêu cầu kế hoạch đặt ra; Chương trình xây dựng nông thôn mới được người dân hưởng ứng tích cực và đã đạt được nhiều kết quả; các nguồn vốn hỗ trợ cho nông dân sản xuất đảm

bảo đáp ứng yêu cầu nên người dân có điều kiện khắc phục khó khăn đẩy mạnh sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện; Bộ máy tổ chức, cán bộ của ngành được quan tâm củng cố kiện toàn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giao trong giai đoạn hiện nay, công tác đơn giản hóa TTHC đã đi vào nề nếp, góp phần quan trọng vào nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành.

- Nông dân đã nhận thức hơn về sự cần thiết, mục tiêu của chủ trương tái cơ cấu dựa trên phương châm: "hợp tác, liên kết và thị trường". Từ đó, hình thành các mô hình hợp tác để tích tụ diện tích đất sản xuất, hợp tác xã chủ động liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào để giúp nông dân giảm chi phí sản xuất.

- Thông qua các hoạt động đối thoại chính sách và xúc tiến đầu tư vào tái cơ cấu ngành nông nghiệp, huyện đã nhận được nhiều sự quan tâm hỗ trợ và hợp tác của các Doanh nghiệp đến đầu tư , hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp theo hướng bền vững,, trồng rừng(2 DN) Chế biến nông sản(1 DN).

2. Khó khăn, hạn chế:

- Sản xuất Nông nghiệp còn phụ thuộc rất lớn vào điệu kiện thời tiết khí hậu; Trong các năm 2016, 2019 hạn hán, Năm 2020 bị mưa lũ lớn đã làm ảnh hưởng tới sự sinh trưởng, phát triển của hàng ngàn ha cây công nghiệp ngắn ngày, giá cả nông sản chủ lực như: Sắn, Mía...

- Tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu vẫn theo chiều rộng thông qua tăng diện tích, tăng vụ, dựa trên các yếu tố thâm canh cho sản xuất (lao động, vốn, vật tư) và nguồn lực tự nhiên, nên mới chỉ tạo ra được khối lượng nhiều nhưng giá trị thu nhập thấp.

- Hợp tác xã và nông dân là những lực lượng quan trọng trong tái cơ cấu nông nghiệp tuy được quan tâm, củng cố, kiện toàn nhưng chậm nâng cao năng lực quản lý, điều hành theo cơ chế thị trường. Một số HTX, nông dân vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên chưa chủ động trong việc đổi mới phương thức sản xuất, tìm kiếm liên kết với doanh nghiệp bán sản phẩm.

- Hầu hết doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, hoạt động hiệu quả thấp, năng lực tài chính còn yếu, gặp khó khăn trong khâu tìm kiếm thị trường cũng như liên kết sản xuất, kinh doanh với hợp tác xã ở nông thôn không hiệu quả.

- Diện tích cánh đồng lớn liên kết còn hạn chế, do diện tích sản xuất manh mún nhỏ lẻ; một bộ phận nông dân còn thói quen bán nông sản qua thương lái; chính sách đầu tư của doanh nghiệp trong việc cung ứng đầu vào chưa phù hợp với nhu cầu của người nông dân. Nội dung hợp đồng tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với nông dân còn thiếu chặt chẽ, giá một số mặt hàng nông sản (Thuốc lá, Mía...) biến động thường xuyên; doanh nghiệp và nông dân thiếu lòng tin lẫn nhau là nguyên nhân làm cho hợp đồng tiêu thụ nông sản không ổn định, lâu dài.

- Mô hình liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp và nông dân chưa đồng bộ: Hầu hết doanh nghiệp mua bán vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện tham gia

đầu vào sản xuất, nhưng lại không có liên kết đầu tư và thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân.

3. Nguyên nhân:

- Hiện nay, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu là quy mô nông hộ khó khăn trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng sức cạnh tranh của nông sản.

- Tỷ lệ chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm nông sản của cây công nghiệp lâu năm như sắn, Mía đạt thấp do đó giá trị gia tăng không cao, chủ yếu bán nguyên liệu thô.

- Khả năng huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư của huyện còn thấp, chủ yếu dựa vào phân bổ vốn của trung ương, của Tỉnh hàng năm; nguồn thu của huyện và kết dư thấp, trong khi đó nhu cầu đầu tư cho nông nghiệp nông dân, nông thôn rất lớn, khó cân đối nên chính sách khuyến khích hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế.

- Biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh ở cây trồng những năm gần đây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

PHẦN HAI
KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng, nông thôn mới theo hướng phát triển những cây, con mà địa phương có thế mạnh. Trong đó, chủ yếu thực hiện có hiệu quả đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Tiếp tục phát huy thế mạnh phát triển lâm nghiệp nhằm cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 37,4% trong cơ cấu kinh tế của huyện. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản đạt bình quân giai đoạn (2021 - 2025) đạt 11 %/năm. Giá trị sản xuất toàn ngành đến năm 2025 đạt 2.861,1 tỷ đồng(Giá so sánh năm 2010).,

- Nâng cao tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề gắn với việc phát triển các ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống, cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản, dịch vụ ở nông thôn để đa dạng hóa thu nhập, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45,6%.

- Có 97% dân số thị trấn sử dụng nước sạch và 91,6% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% các trường học mầm non và phổ thông, trạm y tế xã và các công trình công cộng khác ở nông thôn đủ nước sạch.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,5%/năm (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016- 2020).

- Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người đạt 53,7 triệu đồng/người/năm (Giá hiện hành).

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 52%, góp phần thực hiện "Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế và nâng cao độ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021-2030" Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia.

- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Giai đoạn 2021-2025 phấn đấu có 3 xã đạt chuẩn NTM ; nâng số xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025 là 5 xã , bình quân cả huyện đạt 14 tiêu chí, không còn xã đạt dưới 12 tiêu chí trên địa bàn toàn huyện; Phấn đấu 34 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc tiểu số theo chỉ thị 12 của Tỉnh uỷ.

II. Định hướng và nội dung kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp huyện Krông Pa giai đoạn 2021-2025

Mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp của huyện Krông Pa phải được chú trọng xuyên suốt trong định hướng giai đoạn 2021 - 2025, cơ cấu lại từng ngành, lĩnh vực, sản phẩm, cụ thể như sau:

1. Cơ cấu lại theo lĩnh vực sản phẩm:

1.1. Trồng trọt

Xác định các ngành hàng nông sản huyện Krông Pa tham gia xuất khẩu và có lợi thế là: hạt điều, mía, sắn, Thuốc lá lá, ... Do đó, cơ cấu lại theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất cây trồng, chất lượng, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cho nông dân, cụ thể:

a) Sản phẩm cây công nghiệp lâu năm:

- Cây điều: Năm 2020, diện tích điều toàn huyện là 4382 ha, năng suất ước đạt 5 tạ/ha, sản lượng 1850tấn. Hiện giá điều nguyên liệu nội địa khá tốt, thời gian tới cần tiếp tục đầu tư phục hồi vườn cây đã có thông qua phòng trừ sâu bệnh hại, bón phân tạo cành, phát triển diện tích điều bằng hình thức trồng xen; đồng thời tiến hành ghép cải tạo, chọn lọc bộ giống điều có năng suất cao, chất lượng tốt để đưa vào sản xuất như PN1, MH4/5, ĐDH110, ĐDH113.AB09 Phát triển diện tích điều đến năm 2025 đạt 4500 ha, năng suất đạt 6 tạ/ha, sản lượng đạt 2.400 tấn.

Ngoài ra, khuyến khích phát triển dược liệu trên đất nông nghiệp chuyển từ vùng trồng cây không có hiệu quả (Bắp) và trên đất trống lâm nghiệp (trồng cây dược liệu dưới tán rừng), phát triển dưới tán rừng tự nhiên; quy mô phát triển đến năm 2050 là 100 ha, chú ý bảo tồn các loại cây mật nhân, cây thuốc dân gian.

b) Phát triển cây hàng năm:

- Cây Mía: tiếp tục phát triển 1.000 ha diện tích mía có tưới ở vùng tưới các công trình thuỷ lợi IaMlah, Thực hiện liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và người nông dân, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trên 60% diện tích trồng mía từ khâu làm đất đến thu hoạch, đưa các giống mới vào sản xuất để năng suất bình quân đạt 800 tạ/ha vào năm 2025.

- Cây sắn: Xác định vùng nguyên liệu Sắn gắn với thị trường, nghiêm cấm việc canh tác Sắn bừa bãi, xâm phạm đất rừng. Đến năm 2025, ổn định diện tích 22.000- 23.000 ha, năng suất 220 tạ/ha, sản lượng đạt gần 54.500 tấn. Phát triển và ổn định diện tích có thâm canh cho vùng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến. Tuyển chọn, đưa vào sản xuất các giống có năng suất cao đảm bảo đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, khuyến khích chuyển đổi tập quán canh tác, hạn chế xói mòn đất. Phòng chống dịch bệnhKhảm lá virut.

Cây Thuốc lá: Thực tiễn nhiều năm qua trên địa bàn huyện cây thuốc lá được sản xuất với diện tích hơn 2000 ha năng xuất, giá cả ổn định. cần khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác đầu tư, chăm sóc để đạt năng suất 28 tạ/ha, sản lượng đạt 5.600 tấn vào năm 2025 gắn với thu hút đầu tư để gia tăng giá trị sản phẩm. Xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm thuốc lá Krông Pa.

c) Phát triển cây lương thực:

- Cây lúa: Đến năm 2025 diện tích đất trồng lúa là 5750 ha, trong đó 4500 ha đất lúa 2 vụ. năng suất 46 tạ/ha, sản lượng đạt 22.500 tấn. Thực hiện khai thác mở rộng diện tích lúa tại vùng tưới các công trình thuỷ lợi...

- Cây ngô: Thực tiễn nhiều năm qua trên địa bàn huyện nhiều giống ngô lai, được đưa vào sản xuất các vùng đã mang hiệu quả. Tuy nhiên thu nhập từ cây Ngô thấp, dễ bị tác động do thời tiết nên càn chuyển đổi sang cây trồng khác nên duy trì diện tích hàng năm khoảng 1500ha.

- Rau, củ, quả các loại, cây ăn quả và Dưa hấu: Phát triển ổn định hàng năm đạt diện tích gieo trồng 3800-4000ha cung ứng đủ nhu cầu rau xanh trên địa bàn huyện và xuất khẩu(Dưa hấu).

1.2. Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững, cân đối với trồng trọt và làm nền tảng cho phát triển chế biến phân hữu cơ, phân khoáng có giá trị để góp phần cải tạo đất, phục vụ thâm canh trồng trọt ; Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, ứng dung khoa học công nghệ tiên tiến để có sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao có khả năng cạnh tranh trên thị trường; Phấn đấu nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 20% trong tỷ trọng ngành nông nghiệp vào năm 2025;

- Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài vật nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người trực tiếp chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định. Giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; tăng cường dịch vụ thú y; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y. Với các nội dung trọng tâm sau:

+ Chăn nuôi bò: Tập trung cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò trong nông hộ thông qua thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-Tg của Thủ tướng chính phủ; khuyến khích các dự án chăn nuôi bò thịt theo quy mô trang trại, tập trung để phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên của tỉnh và thị trường tiêu thụ; Hỗ trợ tinh đông viên các giồng Bò lai: Red Angus, BBB(Blanc Bleu Belge), Charolais để phối giống nhân tạo cho đàn bò đến năm 2025 đạt 5000 liều tinh, đạt tỷ lệ đậu thai 75%; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.Đến năm 2025 tổng đàn bò đạt

63.000 con, trong tỉ lệ bò lai 25%. Sản lượng thịt bò hơi đạt 3.255 tấn. Xây dựng thương hiệu Bò Krông Pa.

+ Chăn nuôi heo: Phát triển theo phương thức nuôi trang trại là chủ yếu và gắn với an toàn dịch bệnh; chú ý các giải pháp xử lý triệt để các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; cải tiến và nâng cao chất lượng đàn giống trên cơ sở mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo. Đến năm 2020 tổng đàn heo của huyện đạt khoảng 19.500 con, tỷ lệ heo lai 50%, sản lượng heo hơi xuất chuồng đạt 1750 tấn;

+ Chăn nuôi gia cầm: Phát triển đàn gà, vịt theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; đến năm 2025 đạt 155.000 con;

+ Chăn nuôi Dê và các loài nuôi đặc sản (chim yến,...): Theo điều kiện của địa phương và nhu cầu thị trường để phát triển các hình thức, chủng loại, quy mô nuôi phù hợp; tổ chức theo dõi, đánh giá các mô hình đạt hiệu quả kinh tế để nhân rộng tại các địa bàn thích hợp. Thực hiện các quy định của Luật chăn nuôi về hoạt động nuôi chim yến, hướng dẫn cho người dân nuôi chim yến phát triển bảo đảm các yếu tố về môi trường, mỹ quan.

+ Tập trung chỉ đạo phát triển cây trồng làm thức ăn chăn nuôi gia súc trên diện tích đất giảm các loại cây hồ tiêu, cao su, mía, mì. Phấn đấu đến năm 2025 diện tích trồng cây thức ăn tập trung (ngô sinh khối, cỏ các loại) đạt 2.000 ha, sản lượng đạt 8.000 tấn.

1.3. Lâm nghiệp

a) Tập trung quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có là 75.958,74 ha, thực hiện nghiêm chủ trương về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý rừng bền vững.

b) Nâng cao giá trị kinh tế và tăng năng lực, hiệu lực bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao sinh kế cho người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, là hướng đi bền vững trong thời gian đến.

c) Tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của huyện, phát triển trồng rừng sản xuất thành nghề sản xuất cho người dân trước hết là dân sống gần rừng là một hướng đi quan trọng qua đó đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho những hộ dân làm nghề rừng; cải thiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số và những đối tượng khác được hưởng lợi thông qua phí dịch vụ môi trường rừng; tiếp tục thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân để rừng có chủ quản lý cụ thể và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng

d) Tập trung quản lý có hiệu quả rừng tự nhiên để tăng tác dụng phòng hộ, đáp ứng tiêu chí bền vững.

đ) Khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả, cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ với bảo vệ rừng và trồng rừng để tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp.

g) Nhiệm vụ cụ thể:

- Về cơ cấu các loại rừng: Thực hiện quản lý rừng theo quy hoạch 3 loại rừng đã được phê duyệt theo Quyết định 527/QĐ-UBND ngày 23/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng

tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030: Tổng diện tích quy hoạch lâm nghiệp 162,366.15 ha, trong đó: Đất có rừng là 75.958,74 ha, đất chưa có rừng là 86,407.41 ha.

- Phát triển nâng cao chất lượng rừng: Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có 75.958,74ha; thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng đến năm 2025 là 22.000 ha; quyết tâm đẩy mạnh công tác trồng rừng mới đạt 500 ha, tỉ lệ che phủ đạt 52%.

Đối với rừng trồng: Xác định một số loài cây gỗ lớn trồng rừng sản xuất, ưu tiên đối với loài cây bản địa có giá trị kinh tế cao. Trồng cây phân tán bình quân 90-100 ngàn cây/năm tương đương với 90-100 ha.

- Thực hiện chức năng nhà nước về quản lý nguồn gốc, chất lượng giống cây trồng.

- Phát triển mô hình quản lý lâm nghiệp cộng đồng: Đẩy mạnh công tác giao, khoán rừng cho cộng đồng dân cư thôn, buôn quản lý bảo vệ, phát triển rừng và hưởng lợi từ rừng.

- Thực hiện có hiệu quả dịch vụ môi trường rừng: Triển khai đầy đủ các hoạt động dịch vụ môi trường rừng; kiểm tra, giám sát tài nguyên và môi trường rừng.

1.4. Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

Tính đến năm 2020, Trên địa bàn huyện gồm 09 công trình có quy mô vừa và nhỏ gồm 04 hồ chứa (hồ chứa nướcIa Mlah, Phú cần; Chư Gu; IaDréh); 04 Đập dâng nước (Đập dâng nước Uar; EaUr; IarSai; Buôn Ma Giai); 01 Trạm bơm điện (Trạm bơm điện IarMok) nằm trên địa bàn 10 xã. Có tổng diện tích tưới theo năng lực thiết kế của các công trình là 6.845ha. đã phát huy năng lực tưới khoảng trên 70% năng lực thiết kế; phát triển và hoàn thiện kênh tưới được gần 90% hệ thống kênh chính và kênh cấp 1;2;3 đạt 80% bê tông hoá.

Các công trình thủy lợi đã phát huy hiệu quả, năng lực, nhiệm vụ tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cải tạo tiểu vùng khí hậu.

- Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai: bão, lụt, lũ quét, hạn hán, úng ngập, sạt lở đất, an toàn hồ đập... Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên hỗ trợ để phát triển các hệ thông kênh nội đồng tại cac khu tưới kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi, Văn phòng phòng chống lụt bão; quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững cả về mô hình quản lý, kết cấu hạ tầng và tài chính. Tưới nước tiết kiệm hợp lý cũng là giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với sự biến đổi khí hậu.

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh; Đè xuất với Trung ương và tỉnh bố trí nguồn vốn ADB để mở rộng vùng tưới Hồ chứa nước IaMLah xuống xã Chư ngọc, Đầu tư công trình Hồ chứa nước IaThul huyện IaPa mở rồng xuống vùng tưới thuộc xã IarSai; ưu tiên đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực, có giá

trị kinh tế cao; đầu tư hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy lợi đã có nhưng chưa được đồng bộ.

1.5. Thủy sản

Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện của huyện; tập trung phát triển sản xuất giống thủy sản có giá trị kinh tế để nâng cao năng suất, chất lượng các loài cá nuôi chủ lực như: Trắm cỏ, Trắm đen, Chép, Mè trắng, Mè hoa, Mè vinh, Trôi, Trê, Rô phi, Điêu hồng, Lăng nha Rô đồng đầu vuông...

1.6. Quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, lâm sản và an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm sản và thuỷ sản

- Đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá, phân loại điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng như cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông sản, thuỷ sản.

- Tập trung xây dựng và phát triển các mô hình chuỗi an toàn thực phẩm, chuỗi giá trị nông sản trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm; ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp để phát hiện kịp thời những vi phạm trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông vật tư nông nghiệp, đặc biệt là vật tư nông nghiệp kém chất lượng, không rõ nguồn gốc trên địa bàn tỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

Xây dựng phương án liên kết với nông dân, tổ chức đại diện nông dân (HTX), chính quyền địa phương, thay đổi phương thức từ canh tác đến mua nguyên liệu khi đến vụ thu mía để tăng thu nhập cho nông dân và bảo đảm vùng nguyên liệu cho nhà máy. Tích cực tiếp thị tìm thị trường mới để tạo ra nhiều sản phẩm ngoài đường có giá trị cao hơn.

2. Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp:

Phấn đấu đến 2025, có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Để đạt được mục tiêu trên, công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới cần được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, tiếp tục huy động mạnh mẽ các nguồn lực toàn xã hội để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đáp ứng yêu cầu và từng bước hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế, giáo dục, văn hóa; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn. Riêng nguồn vốn nhà nước, yêu cầu chính quyền 3 cấp *(xã, huyện, tỉnh)* hàng năm cần chủ động xác định nguồn, hạng mục cần đầu tư để đạt chuẩn từng tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới và phải bố trí vốn trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng xã trong năm; xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, chất thải do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi ở khu vực nông thôn; tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn.

Củng cố và đổi mới hoạt động của thành phần kinh tế hợp tác, phát triển đa dạng các hình thức sản xuất ở nông thôn. Tạo cơ chế thuận lợi cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn phát triển.

Xây dựng và phát triển Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" gắn với hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của địa phương. Hoàn chỉnh danh mục và xác nhận địa lý của 10 sản phẩm đã đăng ký trong đề án phát triển OCOP để tiếp đến có ít nhất 10-12 sản phẩm OCOP đặc trưng của huyện.Triển khai các mô hình về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn sự nghiệp lồng ghép về hỗ trợ sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

3. Chuyển đổi cây trồng trên diện tích cây trồng kém hiệu quả

+ Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đât trồng lúa kém hiệu quả sang trồng dược liệu và cây hàng năm khác giai đoạn 2021-2025 là 38ha.

+ Trên đất trồng Sắn chuyển đổi 200 ha, trong đó chuyển sang trồng cây ăn quả 100 ha; chuyển sang trồng rau, cây dược liệu và cây hàng năm khác 100 ha.

+ Trên đất trồng cây điều chuyển 200ha, trong đó chuyển sang cây ăn quả 150 ha; chuyển sang trồng rau, cây dược liệu và cây hàng năm khác 50ha.

III. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế-Hạ tầng, Tài chính-KH, các ngành liên quan và UBND các xã, Thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức tốt công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu gồm:

- Tạo nhận thức mới về phát triển ngành nông nghiệp của huyện sản xuất hàng hóa thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021. Mục tiêu phải tạo được nhận thức trong cán bộ và nhân dân trong tỉnh thấy được những thuận lợi và khó khăn đối với nông sản của tỉnh khi xuất khẩu sang các quốc gia đối tác sẽ mang lại nhiều nguồn lợi cho nông dân và doanh nghiệp. Đồng thời, phải hiểu rõ điểm yếu của mình để tránh hậu quả thua ngay trên sân nhà. Do đó, giai đoạn 2021-20025 mọi thành phần tham gia chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm sản của huyện cho thị trường nội địa và xuất khẩu cần được tổ chức lại, chấm dứt tình trạng mạnh ai nấy làm theo ý mình, manh mún như hiện nay.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm cá nhân phụ trách của mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị trong việc thực hiện nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Quyết tâm giữ rừng, trồng rừng theo mọi khả năng, đặc biệt là giữ rừng không để rừng bị lấn chiếm.

2. Gắn cơ cấu lại ngành với đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Đổi mới và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát để đẩy mạnh triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, gắn cơ cấu lại ngành với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Trong đó tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, phát động phong trào thi đua, tạo quyết tâm cao trong xây dựng nông thôn mới; hội tụ sức mạnh và tạo sự đồng thuận của nhân dân nhằm huy động mạnh mẽ sự đóng góp của người dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn - người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình xây dựng nông thôn mới, coi đây là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của từng cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, ban, ngành và từng địa phương trong huyện.

- Thường xuyên kiện toàn bộ máy tổ chức thực thi Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, xã; bố trí cán bộ có trình độ, kinh nghiệm, có nhiệt huyết để thực hiện Chương trình nông thôn mới; ban hành cơ chế, chính sách để tạo động lực, khuyến khích cán bộ làm công tác nông thôn mới các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Làm tốt công tác lồng ghép các Chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Khuyến khích và huy động nguồn lực xã hội trong xây dựng nông thôn mới, coi trọng nguồn lực tại chỗ, với quan điểm: Nguồn lực từ cộng đồng, trách nhiệm người dân là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và xã hội là quan trọng, hỗ trợ từ ngân sách là cần thiết tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực trong dân.

- Chú trọng phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị theo Sổ tay hướng dẫn; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; phát triển các làng nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; tăng cường tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, tạo tiền đề và nội lực vững chắc để xây dựng xã nông thôn mới đạt kế hoạch đề ra cả về số lượng và chất lượng.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, bảo tồn và phát triển văn hóa vùng đồng bào các dân tộc,...nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở. Tăng cường đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn.

- Chú trọng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hình thức sản xuất thủ công truyền thống, công nghệ thấp ở các làng nghề; xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, chất thải do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi ở khu vực nông thôn.

3. Thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Tập trung huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; bao gồm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực đầu tư xã hội, phát huy nội lực từ chính người nông dân và sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức; đẩy mạnh các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Nhà nước quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng các tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ công; hỗ trợ cơ

sở hạ tầng cơ bản; quản lý đập và công trình thủy lợi đầu mối và kênh chính; nghiên cứu khoa học nông nghiệp; quản lý thị trường đảm bảo cạnh tranh công bằng; cung cấp các dịch vụ kiểm dịch; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; áp dụng các quy định, tiêu chuẩn quản lý quốc gia dựa trên căn cứ khoa học; đảm bảo cung cấp với giá cả ổn định các loại lương thực, thực phẩm thiết yếu để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân nhất là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tiếp tục vận động, thu hút đầu tư từ ngân sách, từ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA,..) cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, phục vụ cho sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu;

4. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công:

Đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý chi tiêu công cho chính quyền xã. Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, chấm dứt tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các lĩnh vực mà khả năng thu hồi vốn không cao hoặc không thể huy động đầu tư.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa trong sản xuất và đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn:

- Chuyển giao khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp; ứng dụng rộng rãi các quy trình, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông, lâm nghiệp:

+ Đối với trồng trọt: Ứng dụng và triển khai thí điểm quy trình cơ giới hóa đồng bộ (từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến); quy trình thâm canh lúa, ngô, mía từ giống, đầu tư thâm canh; ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm có lợi thế của huyện ổn định diện tích gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến; Sắn, Mía nguyên liệu; phát triển sản xuất rau , hoa trong nhà lưới, nhà kính; sản xuất chế biến an toàn theo chuỗi, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GloboGAP, 4C, hữu cơ); triển khai các mô hình tưới tiết kiệm, tưới cây trồng cạn.

+ Đối với chăn nuôi: Ứng dụng công nghệ cao vào phát triển chăn nuôi, kiểm soát và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường,...

+ Đối với lâm nghiệp: Tập trung thực hiện giao rừng và dất lâm nghiệp hướng dẫn, khuyến khích mở rộng diện tích trồng rừng.

+ Đối với thủy sản: Ứng dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ nuôi thâm canh theo tiêu chuẩn VietGAP; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi thâm canh một số loại thủy sản phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện.

- Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao.

+ Đối với cây nông nghiệp: Đẩy mạnh khảo nghiệm, phát triển đưa vào cơ cấu sản xuất các tập đoàn giống lúa, ngô, rau, quả, mía, cà phê…có năng suất cao, chất lượng tốt thích ứng với từng vùng sinh thái của huyện.

+ Đối với giống vật nuôi:

Tăng cường công tác giống vật nuôi; tổ chức triển khai các quy định pháp quy về quản lý giống vật nuôi phù hợp điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai các chương trình cải tạo giống đàn bò: Thực hiện thụ tinh nhân tạo cải tiến giống bò theo hướng thịt; hỗ trợ mua bò đực giống nhảy trực tiếp (vùng sâu, vùng xa).

+ Đối với cây lâm nghiệp: Ứng dụng công nghệ mô, hom để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp mới có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt, như: keo tai tượng hạt ngoại, bạch đàn mô,…

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng lực và chất lượng chế biến nông lâm thủy sản. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm có lợi thế của huyện như: Điều, mía, sắn các loại rau, quả; các sản phẩm chăn nuôi, chăn nuôi bò thịt; lâm nghiệp,…

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới chương trình, phương pháp dạy học đẩy mạnh hình thức đào tạo thực hành, thực tế, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất. Tăng cường công tác tư vấn học nghề; ngành nghề gắn với xây dựng nông thôn mới qua đó góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng thu nhập cho người dân nông thôn. Phấn đấu mỗi năm bình quân đào tạo nghề nông nghiệp cho trên 500 lao động nông thôn.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng:

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản; quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, áp dụng triệt để các tiêu chuẩn VietGAP, ISO, Global GAP,.v.v..

7. Củng cố, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn:

Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết các khâu trong chuỗi giá trị. Chuyển đổi các hộ sản xuất nhỏ lẻ sang hình thức tổ hợp tác, HTX, tăng cường giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ việc kết nối và phát triển liên kết dọc, đặc biệt giữa các doanh nghiệp với các HTX, tổ hợp tác để bảo đảm đầu ra ổn định và nguồn nguyên liệu đầu vào đạt chất lượng cao thông qua các hợp đồng mua bán, hợp đồng chế biến, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm cụ thể của từng bên tham gia.

- Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nhất là đối với một số sản phẩm có giá trị hàng hóa cao là lợi thế của huyện;

- Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, chú trọng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động sản xuất gắn với cung ứng dịch vụ nông nghiệp tổng hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm từ cung cấp dịch vụ đầu vào đến chế biến và phát triển thị trường, hỗ trợ tín dụng nội bộ cho các thành viên.

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng luật Hợp tác xã năm 2012. Tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền để giúp các hợp tác xã tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để các Hợp tác xã nông nghiệp tổ chức hoạt động có hiệu quả.

8. Về phát triển dịch vụ nông nghiệp:

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đổi mới và phát triển mạnh hệ thống dịch vụ công theo chuỗi giá trị sản phẩm (từ giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, kiểm tra chất lượng nông sản, thị trường tiêu thụ…).

- Củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất đi kèm với cơ chế kiểm tra, nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ làm đất, thu hoạch, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để kịp thời tổ chức phòng, chống, dập dịch, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

10. Thực hiện chính sách:

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.

11. Tăng cường quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch:

Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường vận động người dân*"dồn điền, đổi thửa"* khuyến khích người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong nội bộ ngành nông nghiệp (từ đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, trồng cỏ, rau, hoa, quả và cây thức ăn chăn nuôi…) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, tham mưu UBND huyện giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung kế hoạch khi cần thiết.

- Hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc các xã, TT phát triển sản xuất nông nghiệp và PTNT; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách hợp lý.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế-HT, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện.

- Chủ động làm việc với các Sở ban ngành tranh thủ nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế để đầu tư các công trình thủy lợi; nâng cấp, sữa chữa an toàn hồ chứa, phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - KH tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí để triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính-KH

- Tham mưu UBND huyện bố trí vốn hàng năm để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo đúng quy định;Bố trí đủ nguồn lực theo khả năng từ ngân sách đã phân cấp để cùng với các nguồn lực

khác thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo các chính sách của tỉnh và Trung ương.. phù hợp với thực tế và hiệu quả hơn, đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành liên quan xây dựng danh mục các dự án có tiềm năng và điều kiện phát triển, đặc biệt là các dự án chế biến nông, lâm sản và thực phẩm để kêu gọi đầu tư.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Phòng Nông Nghiệp và PTNT, các xã, TT rà soát, kiểm soát chặt chẽ thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp kế hoạch sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.; thực hiện đề án giao đất, giao rừng giai đoạn 2021-2025.

4. Phòng Kinh tế-HT:

- Chủ trì, phối hợp với PhòngNông nghiệp và PTNT, các ngành có liên quan đề xuất ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng định hướng chuyển giao công nghệ tập trung vào các nhiệm vụ chính của Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hóa nông sản thế mạnh trên địa bàn huyện nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của huyện.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT đề xuất thực hiện các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa và xây dựng thương hiệu một số sản phẩm có tiềm năng, có thế mạnh trên địa bàn huyện; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tham mưu Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

5.Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện

Đẩy mạnh công tác ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất giống cây trồng,vật nuôi trên địa bàn huyện.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp&PTNT hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Tổ chức các lớp tập huấn phòng, chống dịch bệnh ở động vật và cây trồng.

Lồng ghép các chương trình khuyến nông phổ biến các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp về thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

6. Các ban ngành liên quan:

Chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho UBND huyện về những vấn đề liên quan trong lĩnh vực của ngành mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả. Chú trọng công tác thông tin tuyên truyền các nội dung Kế hoạch.

7. Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

8. UBND các xã, Thị trấn:

- Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn vừa qua và xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của địa phương phù hợp hơn với thực tiễn và với kế hoạch chung của ngành giai đoạn 2021-2025. Thực hiện kế hoạch sau khi ban hành.

- Tăng cường phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; theo dõi diễn biến thời tiết từng mùa trong năm để hướng dẫn cho người dân lịch thời vụ gieo trồng, cung cấp nước, lựa chọn giống hợp lý, hiệu quả; Thực hiện lồng ghép các chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương gắn từ các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm phát triển sản xuất kịp thời và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; Phát huy lợi thế và nhu cầu của địa phương để phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

9. Các Hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp:

- Từng bước mở rộng quy mô, thực hiện đổi mới hoạt động theo luật Hợp tác xã sửa đổi được Quốc Hội thông qua ngày 23/11/2012 và các quy định hiện hành.

- Thực hiện có hiệu quả phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản và vai trò tổ chức đại diện cho nông dân theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT(b/c);
- Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các Hội, Đoàn thể huyện;
- Các phòng ban của huyện;
- UBND các xã, Thị trấn;
- Lưu: VT-UB, TH-NL, PNN.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ksor Tin